

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày: 28- 01- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sứ

2. Ông Y Mạnh Adrong

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2018/TLST-HS, ngày 24 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Trọng L, sinh năm 1956, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn 6, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng L1 và bà Cao Thị G; có vợ Nguyễn Thị N và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 6 năm 2018 đến ngày 27 tháng 7 năm 2018 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình Bảo lãnh. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L- Chức vụ: Chuyên viên Người có công.

Địa chỉ: 09 đường F, phường T, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn 2, xã R, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Anh Lê Trọng N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn 6, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Đình H và biết H có khả năng làm giấy chứng nhận bị thương trong quân đội, nên bị cáo Lê Trọng L nảy sinh ý định làm hồ sơ thương binh để hưởng chế độ. Khoảng đầu năm 2009, bị cáo gặp và nhờ Nguyễn Đình H, làm giúp giấy chứng nhận thương tích, bị cáo đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng, 01 tờ giấy phôi tô quyết định xuất ngũ số 38 ngày 10 tháng 12 năm 1977, của Trung đoàn 6, QK9 mang tên Lê Trọng L, rồi bị cáo mô tả các vết thương nhờ H làm cho mình 01 giấy chứng nhận bị thương trong quân đội phù hợp với quyết định xuất ngũ mà bị cáo đã đưa cho H. Khoảng 01 tháng sau, H đưa lại cho bị cáo giấy chứng nhận bị thương số 092/CNBT ngày 10 tháng 10 năm 1977, của Trung đoàn 6, Quân khu 9 mang tên Lê Trọng L, sinh năm 1956, đơn vị C20, D5, E6, QK9, điều trị tại Bệnh viện Cần Thơ từ ngày 03 tháng 01 năm 1977 đến ngày 25 tháng 02 năm 1977 với các vết thương như: Vết thương gãy xương cánh tay dưới tay phải; vết xương mu bàn tay phải; chột phần mềm gối chân trái; bị sức ép. Sau khi nhận được giấy chứng nhận bị thương, biết là giả nhưng bị cáo vẫn sử dụng để thiết lập hồ sơ gửi lên Ban chính sách Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, khi hồ sơ gửi lên Ban chính sách Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, bị cáo gặp Trung úy Hồ Quốc C là người trực tiếp, tiếp nhận hồ sơ thì bị C nhiều lần trả lại hồ sơ vì phát hiện ra hồ sơ có vấn đề, nên bị cáo đưa cho C 7.000.000 đồng để nhận hồ sơ và tiếp tục đưa cho Nguyễn Đình H 3.500.000 đồng, nhờ H giúp đỡ để được giám định thương tật. Sau đó, bị cáo đã hoàn tất các giấy tờ liên quan đề nghị Nhà nước cho hưởng chế độ thương binh. Tháng 9 năm 2010, bị cáo đã được Nhà nước cho hưởng chế độ thương binh đến tháng 5 năm 2015, Cơ quan chức năng tỉnh Đắk Lắk phát hiện ra sai phạm trong hồ sơ hưởng chế độ thương binh của bị cáo nên đã tạm dừng cấp chế độ và chuyển hồ sơ đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo quy định. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của Nhà nước thông qua việc hưởng chế độ thương binh từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 5 năm 2015, là 105.367.000 đồng. Trong quá trình điều tra gia đình của bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 105.367.000 đồng đã chiếm đoạt cho Nhà nước.

Bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Tại Thông báo kết quả giám định số 61 ngày 25 tháng 5 năm 2016, của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng về việc giám định dấu hiệu bất thường trong Giấy chứng nhận bị thương số 92/CNBT ngày 10 tháng 10 năm 1977, của Trung đoàn 6, ghi cấp cho ông Lê Trọng L, thể hiện: Chữ in phôi tài liệu được hình thành bằng các hạt mực laze; chữ viết nội dung hiện tại trên tài liệu với chữ viết trên Giấy chứng nhận bị thương số 79/CNBT ngày 18 tháng 10 năm 1985, của Trung đoàn 415, ghi cấp cho ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964 là do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 35/PC54 ngày 07 tháng 12 năm 2017, của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký đứng tên Lê Như H dưới mục thủ trưởng đơn vị trong Giấy chứng nhận bị thương 092/CNBT ngày 10 tháng 10 năm 1977 mang tên Lê Trọng L so sánh với chữ ký đứng tên Lê Như H trong Quyết định 12/QĐ Trung đoàn 6, Quân Khu 9 và chữ ký đứng tên Lê Như H trong Sơ yếu lý lịch đảng viên mang tên Phạm Ngọc O là không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, đã tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Đình H nhưng H khai không quen biết L và không thừa nhận việc giúp L làm giấy chứng nhận bị thương và hồ sơ thương binh nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Hồ Quốc C, nguyên là Đại úy quân nhân chuyên nghiệp công tác tại Ban chính sách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, năm 2015 C bị Tòa án quân sự khu vực 2, Quân khu 5, xét xử và tuyên phạt 24 tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, theo quy định tại Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 30 tháng 4 năm 2016, C chấp hành xong hình phạt tù, về sinh sống tại phường T, thành phố M, hiện nay C đã đi khỏi địa phương, không rõ ở đâu, làm gì, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo không làm việc được với C, nên chưa có căn cứ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS, ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo truy tố để xét xử đối với bị cáo Lê Trọng L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trọng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 139, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng L từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo chuyển số tiền 105.367.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả tại số tài khoản số 39490.03014663 tại Kho bạc Nhà nước huyện Ea H'leo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Trọng L đã giao nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 105.367.000 (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) để khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện EaH'leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do mục đích tư lợi cá nhân, muốn chiếm đoạt trái phép tiền chế độ của Nhà nước, nên trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 5 năm 2015, bị cáo đã có thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật về thương tật của mình trong quá trình tham gia chiến đấu trong quân đội nhân dân Việt Nam để làm hồ sơ thương binh giả nhằm mục đích chiếm đoạt tiền chế độ chính sách Nhà nước với tổng số tiền là 105.367.000 (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền chế độ chính sách của Nhà nước của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Lời luận tội của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý của cơ quan Hành chính Nhà nước, xâm hại đến chính sách của Nhà nước đối với người có công, tạo nên sự nghi ngờ và sự bất công trong xã hội, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, gây tác hại xấu đối với xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt nghiêm nhằm tác dụng trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo thành công dân sống biết tôn trọng pháp luật. Ngoài ra, còn để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có thời gian tham gia quân đội, bị cáo có cha là ông Lê Trọng L1 là người có công với cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và cần được áp dụng xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, thiết nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng đối với bị cáo hình phạt tù nhưng được miễn chấp hành hình phạt có điều kiện để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Đình H, quá trình điều tra, H không thừa nhận làm giả các giấy tờ

cho bị cáo. Do đó, những chứng cứ thu thập được không đủ căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của H nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Hồ Quốc C hiện nay đã đi khỏi địa phương, không rõ ở đâu, làm gì, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo không làm việc được với C, nên chưa có căn cứ để xử lý.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo chuyển số tiền 105.367.000 đồng do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả tại số tài khoản số 39490.03014663 tại Kho bạc Nhà nước huyện Ea H'leo cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk để trả về Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Trọng L đã giao nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 105.367.000 (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) cho Ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trọng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 139, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trọng L 02 năm 06 tháng (Hai năm sáu tháng) tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo chuyển số tiền 105.367.000 (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) do bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả tại số tài khoản số 39490.03014663 tại Kho bạc Nhà nước huyện Ea H'leo cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk để trả về Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân

sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Trọng L đã giao nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 105.367.000 (Một trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) cho Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Lê Trọng L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Trọng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Công an huyện Ea H'leo;
- Thị hành án huyện Ea H'leo;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Nhất